

Bản án số: **49/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28/6/2019

V/v tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hoài N1, sinh năm 1994.

Nơi cư trú: Tổ M1 Ô M2, H, thị trấn L1, huyện L2, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh N2, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn B, xã N4, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019, bản tự khai, nguyên đơn Nguyễn Thị Hoài N1 trình bày:

Chị và anh Lê Thanh N2 tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N4, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào ngày 10/7/2017. Trong thời gian chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N2 không chăm lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Nay chị N1 xác định không còn tình cảm với anh N2, vợ chồng đã ly thân một thời gian nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị N1 và anh N2 có 01 con chung là Lê N3, sinh ngày 18/01/2018. Chị N1 yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại bản tự khai bị đơn Lê Thanh N2 trình bày:

Cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị N1 không có mâu thuẫn gì trầm trọng, đôi lúc có cãi vã nhau khiến chị N1 giận dữ, bỏ về nhà cha mẹ để sinh sống từ tháng 10/2018. Bản thân anh N2 đã cố gắng nói chuyện tác động để vợ chồng đoàn tụ, anh xác định còn tình cảm với vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh xác định có 01 con chung là cháu Lê N3, nhưng không trình bày ý kiến về việc nuôi con, cấp dưỡng.

Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhận định như sau:

[1] *Về việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:* Căn cứ vào nội dung, yêu cầu tại đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2019, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

[2] *Về thẩm quyền:* Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại Khoản 1, Điều 35 và Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về việc vắng mặt của đương sự:* Chị Nguyễn Thị Hoài N1 là nguyên đơn, vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Lê Thanh N2 là bị đơn, đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Nên tiến hành xét xử vắng mặt chị N1 và anh N2, là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về hôn nhân*: Giữa chị N1 và anh N2 tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, nguyên nhân theo chị N1 trình bày là do anh N2 không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo làm ăn để xây dựng mái ấm. Mặc khác anh N2 trình bày anh đã nhiều lần cố gắng tác động để vợ chồng đoàn tụ, nhưng đến nay việc hòa giải vẫn không thành, từ tháng 10/2018 cho đến nay vợ chồng vẫn sống ly thân. Do đó Tòa án có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N1, là phù hợp Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình.

[5] *Về con chung*: Chị N1 và anh N2 có 01 người con chung tên Lê N3, sinh ngày 18/01/2018. Xét thấy, chị N1 có đầy đủ sức khỏe để lao động, chăm lo cho con cái, cháu N3 là trẻ dưới 36 tháng tuổi. Nên cần giao cả cháu cho chị N1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con*: Chị N1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị, do đó không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[7] Anh Lê Thanh N2 là người không trực tiếp nuôi con nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[8] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Hoài N1 chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Chị Nguyễn Thị Hoài N1 ly hôn anh Lê Thanh N2.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hoài N1 được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là cháu Lê N3, sinh ngày 18/01/2018. Anh Lê Thanh N2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hoài N1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, số 0025236 ngày 04/4/2019. Chị N1 đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:

-TAND tỉnh;
-VKSND huyện;
-CCTHADS huyện;
-Nơi đăng ký kết hôn;
-Đương sự;
-Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Tuấn